

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/DS-ST

Ngày: 04 – 3 - 2022

*“V/v Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Công Hạnh và ông Huỳnh Khắc Hiếu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 115/2021/TLST-DS ngày 12/10/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2021/QĐXXST-DS ngày 27/12/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-DS ngày 14/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2022/QĐST-DS ngày 16/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi là Ngân hàng); Địa chỉ trụ sở chính: Đường N, phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc; Đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Thu T, sinh năm 1977, là chuyên viên Quản lý nợ Ngân hàng TMCP S chi nhánh Phú Yên (Theo giấy ủy quyền số 822/2021/GUQ-TTT ngày 10 tháng 11 năm 2021). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Hà Thị Thanh V, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn L, xã B, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện ngày 08/12/2020, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày: Ngày 27/4/2011, bà Hà Thị Thanh V có ký kết với Ngân hàng Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng và bản

điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà V, Ngân hàng đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng 12.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà V đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.372.405 đồng và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 54.426.985 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà V không có thiện chí trả nợ. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/6/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Đối với lãi quá hạn của thẻ theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng Quốc tế S thì mức lãi suất được áp dụng là 2,15%/tháng kể từ ngày 06/7/2011 đến nay. Theo thỏa thuận quy định trong Hợp đồng thì mức lãi suất nợ quá hạn của thẻ là 3,225%/tháng (2,15%/tháng x 150%). Tính đến ngày 25/10/2020, bà V còn nợ gốc là 4.549.391 đồng, lãi quá hạn: 4.298.314 đồng; tổng cộng số tiền còn nợ là 8.847.705 đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị Thanh V phải trả nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận về lãi suất giữa các bên tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

Ngày 08/12/2020, Ngân hàng khởi kiện bà V ra Tòa án nhân dân Quận 9 (Nay là TAND thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/6/2021, TAND thành phố Thủ Đức ra quyết định số 63/2021/QĐST-DS quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho TAND thành phố Tuy Hòa.

Về địa chỉ của bị đơn: Tại hồ sơ vụ án thụ lý số 678/2020/TLST-DS ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh xác định bà Hà Thị Thanh V, sinh năm 1975 không có đăng ký hộ khẩu thường trú và tạm trú, không thực tế cư trú tại địa chỉ Đường V, phường P, Quận M (Nay là thành phố TĐ), thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả xác minh tại Công an phường LK, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà Hà Thị Thanh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường L, Phường LK, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đến ngày 30/12/2017, bà V chuyển khẩu đến Thôn L, xã B, Thành phố T.

Tại biên bản xác minh ngày 27/10/2021 tại Công an xã B, thành phố T xác định bà Hà Thị Thanh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã B, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, bà V không sinh sống tại địa phương.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú của bị đơn các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn Hà Thị Thanh V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

Đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn Hà Thị Thanh V phải trả nợ gốc 4.549.391 đồng và lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên theo Hợp đồng từ ngày 01/6/2018 cho đến khi trả nợ xong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Bị đơn Hà Thị Thanh V vắng mặt phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Hà Thị Thanh V phải trả số nợ gốc 4.549.391 đồng và lãi quá hạn theo lãi suất thỏa thuận giữa hai bên tại Hợp đồng cho đến khi trả nợ xong. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP S và bị đơn Hà Thị Thanh V được xác định là tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Bị đơn Hà Thị Thanh V có nơi cư trú tại Thôn L, xã B, Thành phố T nên Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý và giải quyết theo thẩm quyền quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Đức Thạch D là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng ủy quyền cho bà Hồ Thị Minh T tham gia tố tụng, bà T ủy quyền lại cho bà Trương Thị Thu T theo giấy ủy quyền số 822/2021/GUQ-TTT ngày 10 tháng 11 năm 2021, do đó thủ tục ủy quyền là đúng quy định pháp luật.

[3] Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn Hà Thị Thanh V theo nội dung Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 16/5/2011, bị đơn Việt có địa chỉ thường trú tại Đường L, Phường LK, thành phố T, tỉnh Phú Yên và địa chỉ tạm trú tại Đường V, phường P, Quận M (Nay là thành phố TĐ), thành phố Hồ Chí Minh . Kết quả xác minh ngày 08/3/2021 của Công an phường Phước Long B, thành phố Thủ Đức xác định bà V không đăng ký thường trú và tạm trú, không thực tế cư trú tại địa chỉ Đường V, phường P, Quận M (Nay là thành phố TĐ), thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả xác minh tại Công an phường LK, thành phố T, tỉnh Phú Yên xác định bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Đường L, Phường LK, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Đến ngày 30/12/2017, bà V chuyển đến Thôn L, xã B, Thành phố T. Kết quả xác minh ngày 27/10/2021 tại Công an xã B, Thành phố T xác định bà V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã B, Thành phố T, tỉnh Phú Yên. Tuy nhiên, bà V không có sinh sống tại địa phương.

[4] Như vậy, bị đơn thay đổi nơi cư trú nhưng không báo cho nguyên đơn biết nên coi đây là trường hợp giấu địa chỉ, TAND thành phố Tuy Hòa thụ lý, giải quyết, tiến hành thủ tục tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn Việt vắng mặt tại phiên tòa mở lần thứ hai không rõ lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Nguyên đơn cung cấp Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm Hợp đồng ngày 16/5/2011 ký kết giữa Ngân hàng và bà V thể hiện nội dung bà V lựa chọn thẻ tín dụng quốc tế Ladies first, hạn mức sử dụng 12.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, thời gian bắt đầu từ 16/5/2011. Bà V đã sử dụng thẻ tín dụng do Ngân hàng phát hành và tiến hành các giao dịch, thanh toán từ ngày 20/7/2011 cho đến ngày 30/6/2018 với tổng số tiền giao dịch là 33.372.405 đồng và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 54.426.985 đồng, thứ tự thanh toán áp dụng Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, ưu tiên thanh toán phí lãi trước, giao dịch sau. Do bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/6/2018, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngày 04/6/2018, bà V trả được số tiền 1.235.107 đồng, ngày 05/6/2018, bà V tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền 934.000 đồng, sau đó không tiếp tục thanh toán nữa. Số nợ gốc bà V còn nợ Ngân hàng là 4.549.391 đồng nên ngân hàng yêu cầu bà V phải thanh toán số tiền nợ gốc là phù hợp với quy định Điều 2, Điều 23 Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[6] Bị đơn Hà Thị Thanh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến tham gia tố tụng, không có lời trình bày ý kiến tại Tòa nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Hà Thị Thanh V phải trả số nợ gốc 4.549.391 đồng (Bốn triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn ba trăm chín mươi một đồng) cho nguyên đơn.

[7] Nguyên đơn yêu cầu bà V phải thanh toán lãi quá hạn tính từ ngày 01/6/2018 cho đến khi trả nợ xong. Xét bà V vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết giữa các bên nên ngoài việc có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc thì còn có trách nhiệm thanh toán tiền lãi quá hạn phát sinh tính trên dư nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 2, Điều 22, Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[8] Mức lãi suất nợ quá hạn của thẻ theo thỏa thuận giữa các bên là 3,225%/tháng (2,15%/tháng x 150%) theo Thông báo số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 về việc thay đổi lãi suất và phí phát hành nhanh của thẻ tín dụng Quốc tế

S. Như vậy, số tiền lãi quá hạn tính trên dư nợ gốc 4.549.391 đồng bà V phải trả từ ngày 01/6/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 04/3/2022 là 6.719.359 (Sáu triệu bảy trăm mười chín nghìn ba trăm năm mươi chín đồng).

Do đó, tổng số tiền gốc và lãi mà bà V phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 04/3/2022 là 11.268.750 đồng (Mười một triệu hai trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hà Thị Thanh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật.

[9] Về án phí: Hoàn lại cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn Hà Thị Thanh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35 và khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2, Điều 227, Điều 144, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 4 Điều 161 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

- Điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điều 7, Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/N-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S; Buộc bị đơn Hà Thị Thanh V phải trả cho nguyên đơn số tiền 11.268.750 đồng trong đó nợ gốc là 4.549.391 đồng, nợ lãi trên nợ gốc quá hạn là 6.719.359 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Hà Thị Thanh V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật

Về án phí: Bị đơn Hà Thị Thanh V phải chịu 563.437 đồng (Năm trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số 00047330 ngày 23/12/2022

của Chi cục thi hành án dân sự Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Uyên